TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **30**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2019
V/v:" Ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông: Nguyễn Thông Thái

2.Ông: Nguyễn Trọng Di

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Lư Ngọc Qúi - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019, ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: thôn K1, xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông Nguyễn Qúi B, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn K1, xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Qúi B đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Z1, huyện Z, tỉnh Quãng Ngãi. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Tuy nhiên khi chung sống với nhau bà đã nhận thấy ở ông B thể hiện sự gia trưởng đối với bà. Ông B không hiểu, không thông cảm hổ trợ bà trong công việc, giữa bà và ông B không tìm được tiếng nói chung. Năm 2007, bà với ông B đã

có sự tách bạch về kinh tế gia đình, mặc dù vợ chồng vẫn còn chung sống một nhà nhưng tình cảm của bà đối với ông B không còn từ năm 2017 cho đến nay, bà tiếp tục sống chung với ông B chỉ vì các con, trong thời gian này ông B hay ghen tuông, xúc phạm và uy hiếp tinh thần bà. Đến tháng 3 năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng khi ông B tìm đến nơi công ty bà làm việc (công ty thủy sản Xthuộc xã K, huyện W) chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà ngay tại công ty, từ đó bà không còn sống chung nhà với ông B. Vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông B vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

- *Về con chung*: bà với ông Nguyễn Qúi B có 02 con chung tên Nguyễn Minh C (giới tính: nữ), sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Thị Minh D (giới tính: nữ), sinh ngày 12/9/2008. Hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Minh C và Nguyễn Thị Minh D cho đến khi trưởng thành.

Trong quá trình giải quyết, bà H thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà không yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: bà Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Qúi B trình bày:*

Ông và bà Đỗ Thị H đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Z1, huyện Z, tỉnh Quãng Ngãi. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 6 năm 2017 ông phát hiện bà H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng vì muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, muốn tạo cơ hội cho bà H sửa sai và thương các con nên ông cố chịu đựng trong một thời gian dài. Tuy nhiên mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, vào khoảng tháng 3 năm 2019 sau khi ông phát hiện bà H rời khỏi nhà đi cùng người đàn ông khác nhiều ngày liền. Do không chịu đựng được, ông có đến Công ty X (thuộc xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận) nơi bà H làm việc để làm rõ sự việc thì bà H có những lời lẽ thách thức ông, không kìm chế được cơn giận nên ông có đánh bà H ngay tại công ty. Hiện, ông và bà H tuy không còn sống chung nhà nhưng ông B vẫn không đồng ý ly hôn với bà H.

-*Về con chung*: ông với bà Đỗ Thị H có 02 con chung Nguyễn Minh C (giới tính: nữ), sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Thị Minh D (giới tính: nữ), sinh ngày 12/9/2008. Trong trường hợp ông với bà H ly hôn, trên cơ sở nguyện vọng của các con muốn sống với ai đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Khi giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng thì ông B sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng/01 người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

-*Về tài sản và nợ chung*: ông Nguyễn Qúi B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa sơ thẩm*: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên

đơn đã chấp hành tốt quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị H đối với ông Nguyễn Qúi B và giao 02 con chung tên Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị Minh D cho bà Đỗ Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Bà Đỗ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với ông Nguyễn Qúi B cư trú tại thôn K1, xã K, huyện W, tỉnh Bình Thuận nên đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Qúi B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông B.

[3] Về quan hệ Hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Qúi B xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z1, huyện Z, tỉnh Quãng Ngãi vào năm 2004 **(**theo bản sao trích lục kết hôn số 25/TLKH-BS, ngày 01/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã Z1, huyện Z, tỉnh Quãng Ngãi) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nhưng sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sự việc ông Nguyễn Qúi B có hành vi bạo lực gia đình. Bà H xác định không còn tình cảm với ông B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn với ông B. Hiện nay, bà H và ông B đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Qúi B.

[4] Về con chung:

Xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn Đỗ Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi bà H và ông B không còn sống chung với nhau, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc Nguyễn Minh C và Nguyễn Thị Minh D. Tại bản tự khai vào ngày 27/5/2019, ý kiến của 02 cháu C và D trình bày nếu cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của hai cháu muốn được sống chung với mẹ. Hai cháu C và D đang sống ổn định, phát triển bình thường và được đi học đầy đủ. Bà H có công việc ổn định, thu nhập đủ nuôi các con. Xuất phát từ mọi lợi ích của 02 cháu Minh C và Minh D. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Nguyễn Minh C và Nguyễn Thị Minh D cho bà Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C và cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết, bà Đỗ Thị H thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Bà H không yêu cầu ông Nguyễn Qúi B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Qúi B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình giải quyết bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Qúi B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Bà Đỗ Thị H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Đỗ Thị H. Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Qúi B.

2/ Về con chung: giao 02 con chung Nguyễn Minh C (giới tính: nữ), sinh ngày 31/10/2004 và Nguyễn Thị Minh D (giới tính: nữ), sinh ngày 12/9/2008 cho bà Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Nguyễn Minh C và Nguyễn Thị Minh D đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Qúi B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Qúi B có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị H và Nguyễn Qúi B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025915 ngày 06/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; bà Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Qúi B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (02/8/2019). Đối với Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Hải Âu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Z1, huyện Z, tỉnh Quãng Ngãi.
- UBND xã K;
- Lưu: Hồ sơ.